

Bản án số: 53/2020/HNGĐ-ST

Ngày 22-9-2020

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Chúc

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Đức Lâm - Ông Lê Thanh Miện

*Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa:*  
Ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48<sup>a</sup>/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị A, sinh năm 1989 (vắng mặt và có đơn xin xin xét vắng mặt)

- **Bị đơn:** Anh Dương Quang T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Đều ở địa chỉ: Thôn NT, xã NS, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn Chị Đỗ Thị A trình bày:

Chị và anh Dương Quang T kết hôn với nhau ngày 15/11/2010 tại UBND xã NS, huyện Hiệp Hòa. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân không bị ai ép buộc. Chị và anh T có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Cưới xong chị về nhà anh T làm dâu ngay. Vợ chồng chị sống chung với bố mẹ chồng được khoảng 1 thời gian thì được ông bà cho đất và vợ chồng chị làm nhà ở riêng trên thửa đất này. Trong quá trình chung sống thì vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, quản lý kinh tế dẫn đến việc làm ăn của hai vợ chồng thua lỗ dẫn đến nợ nần phải bán nhà và đất đi để trả nợ. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ đầu năm 2020 đến nay chị đã thuê nhà trọ ở riêng ở thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa vì chị đang công tác tại Bệnh viện đa khoa huyện Hiệp Hòa. Còn anh T về sống chung với bố mẹ đẻ anh T cùng ở Thôn NT, xã NS, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Từ đó đến nay giữa chị và anh T không còn quan tâm gì đến nhau, không liên lạc nói chuyện với nhau, chỉ gọi điện cho nhau để hỏi thăm con và bảo nhau đưa đón con đi học. Việc mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên đã hòa giải nhưng vợ chồng không thể về đoàn tụ. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Quang T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung. Cháu lớn là Dương Quang H1, sinh ngày 15/09/2011. Cháu thứ hai là Dương Khánh H2, sinh ngày 29/06/2014. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cả hai con chung. Sau khi Tòa án lấy lời khai của anh T và thông báo cho chị biết thì chị đồng ý với ý kiến của anh T. Theo đó chị nuôi cháu Dương Khánh H2 còn anh T nuôi cháu Dương Quang H1. Chị không yêu cầu xem xét giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 14/9/2020, bị đơn là anh Dương Anh T trình bày:

Anh kết hôn với Chị Đỗ Thị A năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NS. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân không bị ai ép buộc. Anh và Chị Đỗ Thị A có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Cưới xong chị A về nhà anh làm dâu ngay. Vợ chồng anh sống chung với bố mẹ đẻ của anh được khoảng 1 thời gian thì được ông bà cho đất và vợ chồng anh làm nhà ở riêng trên một thửa đất cùng thôn. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, quản lý kinh tế dẫn đến việc làm ăn của hai vợ chồng thua lỗ dẫn đến nợ nần phải bán nhà và đất đi để trả nợ. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ đầu năm 2020 đến nay chị A đã thuê nhà trọ ở riêng ở thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, còn anh về sống chung với bố mẹ đẻ ở Thôn NT, xã NS, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Từ đó đến nay giữa anh và chị A không còn quan tâm gì đến nhau, không liên lạc nói chuyện với nhau. Việc mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên đã hòa giải nhưng vợ chồng không thể về đoàn tụ. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị A đề nghị Tòa

án nhân dân huyện Hiệp Hòa giải quyết ly hôn anh đồng ý ly hôn với Chị Đỗ Thị A.

Về con chung: Anh và Chị Đỗ Thị A có hai con chung. Cháu lớn là Dương Quang H1, sinh ngày 15/09/2011. Cháu thứ hai là Dương Khánh H2, sinh ngày 29/06/2014. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H1, để chị A nuôi dưỡng cháu H2. Anh không yêu cầu xem xét giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, anh T, chị A đều vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Xử cho Chị Đỗ Thị A được ly hôn anh Dương Quang T. Về con chung giao cho Chị Đỗ Thị A được nuôi con chung là Dương Khánh H2, sinh ngày 29/06/2014. Giao cho anh Dương Quang T được nuôi con chung là Dương Quang H1, sinh ngày 15/09/2011. Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: Chị Đỗ Thị A khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung với anh Dương Quang T có nơi cư trú tại Thôn NT, xã NS, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh T đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, chị A có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T, chị A là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh T kết hôn ngày 15/11/2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NS, huyện Hiệp Hoà nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, quản lý kinh tế dẫn đến việc làm ăn của hai vợ chồng thua lỗ dẫn đến nợ nần. Do mâu

thuần trầm trọng nên từ đầu năm 2020 đến nay chị A đã thuê nhà trọ ở riêng. Còn anh T về sống chung với bố mẹ để anh T cùng ở Thôn NT, xã NS. Từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau, không liên lạc nói chuyện với nhau. Việc mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên đã hòa giải nhưng vợ chồng không thể về đoàn tụ. Nay chị A xác định không còn tình cảm với anh T và yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa chị Nhung và anh T đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị A ly hôn anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh T, chị A có 02 con chung là Dương Quang H1, sinh ngày 15/09/2011 và Dương Khánh H2, sinh ngày 29/06/2014. Vợ chồng ly hôn, chị A xin được nuôi dưỡng cháu H2, anh T xin được nuôi dưỡng cháu H1. Anh T, chị A không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh T, chị A đều có thu nhập ổn định, đảm bảo khi được nuôi con sẽ phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần. Cháu H2 còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Để đảm bảo cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nên cần giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu H1, giao cho chị A nuôi dưỡng cháu H2 là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T, chị A không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn anh T, chị A có quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được cản trở anh T, chị A thực hiện quyền này theo quy định tại khoản 1, 3 điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

[4] Về tài sản chung, công nợ chung vợ chồng: Anh T, chị A không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Đỗ Thị A. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị A được ly hôn anh Dương Quang T.

2. Về con chung: Giao cho Chị Đỗ Thị A nuôi dưỡng con chung là Dương Khánh H2, sinh ngày 29/06/2014. Giao cho anh Dương Quang T nuôi con chung

là Dương Quang H1, sinh ngày 15/09/2011. Anh T, chị A không phải cấp dưỡng nuôi con đối với nhau.

Sau khi ly hôn anh T, chị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở anh T, chị A thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003675 ngày 03 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hoà. Xác nhận Chị Đỗ Thị A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hoà;
- CCTHADS huyện Hiệp Hoà;
- UBND xã NS;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**( Đã ký )**

**Đặng Văn Chức**